

Số: /NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày tháng 5 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 501/QĐ-TTg ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 03/4/2023 của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chính như sau:

I. Phạm vi, ranh giới quy hoạch

Phạm vi, ranh giới quy hoạch tỉnh Ninh Thuận bao gồm toàn bộ phần lãnh thổ đất liền tỉnh Ninh Thuận và không gian biển được xác định theo Luật Biển Việt Nam năm 2012, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

II. Quan điểm phát triển

1. Quy hoạch Tỉnh phải bám sát Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; phù hợp với các Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; quy hoạch tổng thể quốc gia; quy hoạch ngành quốc gia; các quy hoạch Vùng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV nhiệm kỳ 2020 - 2025;

2. Khát vọng phát triển, vươn lên mạnh mẽ; phát triển nhanh gắn liền với tăng trưởng xanh, hiệu quả và bền vững; nâng cao chất lượng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh nền kinh tế của tỉnh; đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ, phát triển nền kinh tế số và tăng cường năng lực tiếp cận Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cải thiện môi trường đầu tư, khoa học công nghệ và phát huy yếu tố con người, xem con người là trung tâm của sự phát triển;

3. Phát huy lợi thế địa lý của tỉnh là cửa ngõ kết nối các vùng: Đông Nam Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ và các tỉnh Nam Tây Nguyên; xây dựng các liên kết phát triển giữa Ninh Thuận với vùng và các địa phương lân cận; tập trung ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng trọng điểm theo hướng đồng bộ, kết nối cao, liên thông đa mục tiêu và tăng cường liên kết vùng;

4. Khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế so sánh, khác biệt về điều kiện tự nhiên, thiên nhiên như nắng, gió, biển, rừng; về lịch sử truyền thống cách mạng, đa văn hoá các điều kiện phát triển năng lượng tái tạo, du lịch, công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp đặc hữu, công nghệ cao, kinh tế biển, kinh tế đô thị... tạo những sản phẩm hấp dẫn và giá trị khác biệt để phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

5. Phát huy tối đa yếu tố con người; coi trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng cho yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới; gắn giáo dục, đào tạo đội ngũ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật với thị trường sức lao động; coi trọng giáo dục phổ cập để nâng cao trình độ dân trí của dân cư, đặc biệt là dân cư vùng nông thôn, miền núi, vùng ven biển; coi trọng việc đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật, các nhà doanh nghiệp và công nhân lành nghề đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của quá trình phát triển;

6. Tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc trong tỉnh; sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường;

7. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội; chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế; khắc phục các tác động tiêu cực của các xu thế kinh tế quốc tế và khu vực.

III. Tầm nhìn chiến lược và mục tiêu phát triển

1. *Tầm nhìn chiến lược*: Ninh Thuận sẽ trở thành tỉnh có nền kinh tế đa dạng, thịnh vượng, với tầm nhìn chiến lược “*Ninh Thuận- Miền đất hội tụ những giá trị khác biệt*”.

2. Mục tiêu tổng quát: Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, ứng dụng khoa học và công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động, huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển kinh tế nhanh và bền vững, kinh tế biển, kinh tế đô thị là động lực, đưa quy mô nền kinh tế đến năm 2025 tăng 1,9 lần và đến năm 2030 tăng 3,65 lần so với năm 2020. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa các dân tộc; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đến năm 2025, là tỉnh phát triển khá của khu vực và cả nước, là một trong những trung tâm năng lượng, năng lượng tái tạo của cả nước. Đến năm 2030, trở thành tỉnh có mức thu nhập bình quân thuộc nhóm trung bình cao của cả nước. Đến năm 2045, trở thành tỉnh phát triển toàn diện, có thu nhập cao. Đến năm 2050, Ninh Thuận sẽ trở thành tỉnh có nền kinh tế đa dạng và thịnh vượng; phát triển đạt mức cao so với các địa phương khác trong cả nước; một tỉnh xanh và có môi trường sống tốt, phát triển bền vững.

3. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

a) *Về kinh tế*: Tốc độ tăng trưởng GRDP cả giai đoạn 2021-2030 bình quân 10-11%/năm; Cơ cấu kinh tế năm 2030: nông nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 12-13%; công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 53-54%; các ngành dịch vụ chiếm khoảng 34-35%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm khoảng 2 - 3% trên tổng GRDP của tỉnh; GRDP bình quân đầu người đạt 200 triệu đồng vào năm 2030. Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng GRDP đạt 50%. Năng suất lao động đến năm 2030 đạt 280 triệu đồng/lao động; tỷ lệ lao động có việc làm đạt 80-85% tổng số lao động trong độ tuổi lao động. Huy động vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021-2030 đạt khoảng 270-280 nghìn tỷ đồng. Kinh tế số đến năm 2030 đạt khoảng 30% GRDP.

b) *Về văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế*: Quy mô dân số trung bình đạt 706 ngàn dân. Cơ cấu lao động: Khu vực nông nghiệp và thủy sản chiếm 20%; công nghiệp-xây dựng chiếm 55%; dịch vụ chiếm 25%. Chỉ số phát triển con người HDI ≥ 0.7 . Tỷ lệ trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia đạt >80%; mầm non >50%. Tỷ lệ các thiết chế văn hoá trên địa bàn được kiện toàn, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hoá của người dân đạt 70%. Số giường bệnh/vạn dân đạt trên 35 giường. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (theo chuẩn mới) hàng năm giảm 1,5 – 2% và đến năm 2030 còn dưới 1,5%. Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi còn dưới 10%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 75 – 80%; trong đó có bằng cấp, chứng chỉ trên 40%.

c) *Về môi trường*: Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 99,5%. Tỷ lệ thu gom rác thải đô thị đạt 100%. 100% các khu, cụm công nghiệp, đô thị có hệ thống xử lý nước thải tập trung; các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường. Tỷ lệ độ che phủ rừng 49%.

d) *Về An ninh, Quốc phòng*: Phân đấu 100% xã, phường, thị trấn đạt cơ sở vững mạnh toàn diện. Gắn phát triển kinh tế- xã hội với củng cố thể trận quốc phòng- an ninh; xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc; đảm bảo trật tự kỷ cương trong các hoạt động kinh tế- xã hội.

IV. Các lĩnh vực đột phá, động lực và định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực

1. Các lĩnh vực đột phá, động lực:

- 02 động lực phát triển: (1) Kinh tế biển; (2) Kinh tế đô thị;
- 01 Hạt nhân phát triển là Con người;
- 04 khâu đột phá: (1) Nâng cao năng lực cạnh tranh; (2) Hoàn thiện cơ sở hạ tầng khung; (3) Chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý và sản xuất, đổi mới sáng tạo và (4) Phát triển nguồn nhân lực.

2. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng, gồm 05 cụm ngành, lĩnh vực: (1) Năng lượng, Năng lượng tái tạo; (2) Du lịch chất lượng cao; (3) Công nghiệp chế biến, chế tạo; (4) Nông nghiệp công nghệ cao; (5) Xây dựng và kinh doanh bất động sản.

a) Năng lượng, năng lượng tái tạo: Tập trung khai thác các tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên năng, gió để phát triển điện mặt trời, điện gió ven bờ, điện gió ngoài khơi, điện khí LNG, thủy điện tích năng, nguồn năng lượng mới (hydro, thủy triều, sinh khối,...). Phát triển nguồn năng lượng Hydrogen xanh từ việc sử dụng năng lượng tự tiêu, năng lượng tái tạo tại chỗ hướng đến ngành công nghiệp xanh phù hợp với cam kết tại COP26. Tập trung phát triển đồng bộ hạ tầng truyền tải điện để xây dựng Ninh Thuận thành Trung tâm năng lượng, năng lượng tái tạo của cả nước.

b) Du lịch chất lượng cao: Phát triển ngành du lịch theo hướng “Bền vững - Đẳng cấp - Độc đáo”; vừa phát triển du lịch truyền thống, vừa tạo dựng các loại hình mới, độc đáo về khí hậu, khám phá sáng tạo để trở thành một trong các vùng du lịch trọng điểm quốc gia, du lịch nghỉ dưỡng trải nghiệm của khách trong nước và quốc tế; là điểm đến hấp dẫn, khác biệt, có sức cạnh tranh cao, trên cơ sở khai thác hiệu quả lợi thế tài nguyên du lịch hiện có và biến những hạn chế thành tiềm năng du lịch khác biệt; tập trung nguồn lực đầu tư phát triển khu du lịch Quốc gia Ninh Chữ; đưa dịch vụ du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn theo Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 31/8/2021 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

c) Công nghiệp chế biến, chế tạo: Phát triển cụm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với cảng biển và logistics theo hướng hiện đại, thân thiện với môi trường, tăng trưởng xanh. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp luyện kim, công nghiệp chế biến các sản phẩm đặc thù, tổ hợp sản xuất hóa chất sau muối để khai thác lợi thế về nguồn năng lượng tái tạo tại chỗ.

d) Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Phát triển ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao góp phần cơ cấu lại ngành nông nghiệp; phát triển sản xuất nông nghiệp tinh hiện đại, đồng bộ, năng suất, chất lượng, có giá trị kinh tế cao, thân thiện môi trường, thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, mở rộng thị trường tiêu thụ, hướng đến xuất khẩu.

đ) Xây dựng và kinh doanh bất động sản:

- Phát triển ngành xây dựng đáp ứng nhu cầu đầu tư, xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng của đô thị - nông thôn đồng bộ, hiện đại, nhất là hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu, góp phần phát triển kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng nhanh,

hiệu quả và bền vững, nâng cao chất lượng sống tại đô thị, bảo đảm đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở và hạ tầng xã hội cho cư dân đô thị. Phát triển kiến trúc đô thị hiện đại, xanh, thông minh, tiết kiệm năng lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu, có bản sắc, các yếu tố văn hóa đặc trưng được giữ gìn và phát huy.

- Phát triển thị trường bất động sản lành mạnh, bền vững, đa dạng các loại hình bất động sản nhà ở, thương mại, du lịch, công nghiệp,... phù hợp nhu cầu của thị trường với chất lượng tốt và giá cả hợp lý; ứng dụng công nghệ vào xây dựng, quản lý, kinh doanh bất động sản góp phần hiện đại hóa ngành xây dựng nói chung và thị trường bất động sản nói riêng của tỉnh Ninh Thuận ngày một phát triển.

3. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp sạch. Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp dựa vào khoa học công nghệ gắn với hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị, ưu tiên phát triển công nghệ cao, công nghệ hữu cơ cho các đối tượng cây trồng, vật nuôi đặc thù để thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu. Chú trọng phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực định hướng thị trường xuất khẩu.

- Phát huy lợi thế về sản xuất giống thủy sản, hướng đến xây dựng Ninh Thuận trở thành Trung tâm sản xuất tôm giống chất lượng cao của cả nước.

- Tập trung trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng phục hồi và quản lý nhằm nâng cao tỷ lệ che phủ rừng.

b) Ngành thương mại, dịch vụ

- Phát triển ngành thương mại, dịch vụ đa dạng, hiện đại, bền vững; kết hợp hài hòa giữa phát triển loại hình thương mại truyền thống với các loại hình thương mại điện tử; phát triển các kênh phân phối hàng hóa theo hướng văn minh, hiện đại.

- Xây dựng, xúc tiến các mô hình triển lãm hội chợ, xây dựng, quảng bá thương hiệu về các sản phẩm dịch vụ thế mạnh của tỉnh tạo thuận lợi thúc đẩy liên kết phát triển vùng và các đối tác trong nước, quốc tế.

- Hình thành trung tâm logistics vùng gắn với cảng biển tổng hợp Cà Ná.

c) Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo: Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất và đời sống, hỗ trợ nâng cao năng lực tiếp nhận và sử dụng các công nghệ mới.

d) Văn hóa – xã hội: Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể. Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế; ưu tiên các nguồn lực đầu tư phát triển giáo dục đào tạo trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề theo hướng mở, linh hoạt, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Xây dựng phát triển y tế từng bước hiện đại, đồng bộ, đảm bảo phát triển cân đối, hài hòa giữa khám chữa bệnh với y tế dự phòng, nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ

người dân. Thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo, chế độ chính sách người có công và các đối tượng bảo trợ xã hội.

đ) An ninh quốc phòng: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc; gắn phát triển kinh tế, xã hội với đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ; thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội; tăng cường an ninh, an toàn thông tin mạng.

4. Phát triển kết cấu hạ tầng: Phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại, liên thông kết nối, đa mục tiêu, cụ thể: Phát triển mạng lưới giao thông hợp lý, đảm bảo liên thông, kết nối vùng. Phát triển thủy lợi theo hướng hiện đại, bảo đảm cấp, thoát nước cho dân sinh, các ngành kinh tế; chủ động phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Xây dựng, nâng cấp hệ thống cấp nước đô thị và nông thôn để đáp ứng nhu cầu cấp nước sản xuất, sinh hoạt; ưu tiên xây dựng hệ thống cấp nước tập trung, quy mô liên đô thị, liên xã. Quan tâm xây dựng hệ thống thoát nước thải, xử lý nước thải tại các đô thị, khu kinh tế và các khu, cụm công nghiệp. Phát triển hệ thống lưới điện đồng bộ, bảo đảm kết nối với các nguồn điện mới. Đẩy mạnh số hóa hạ tầng số, phát triển mạng lưới di động băng rộng, ngầm hóa mạng cáp quang, phát triển các điểm truy cập internet không dây và internet công cộng. Sắp xếp, bố trí mạng lưới trường lớp học phù hợp, đảm bảo đạt chuẩn quốc gia; sắp xếp mạng lưới cơ sở đào tạo nghề, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng và số lượng đào tạo nguồn nhân lực. củng cố, phát triển hệ thống các bệnh viện, cơ sở y tế chất lượng cao; nâng cao hiệu quả hoạt động của các trạm y tế cấp xã, phường, xây dựng hệ thống y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật đồng bộ, đủ năng lực dự báo.

V. Định hướng phát triển không gian, lãnh thổ, đô thị

1. Định hướng về phát triển không gian, lãnh thổ đến năm 2030: Tổ chức không gian các hoạt động kinh tế để ưu tiên đầu tư, làm đầu tàu lôi kéo các khu vực khác trong tỉnh phát triển, cụ thể:

- 4 vùng liên huyện gồm: (1) Vùng trung tâm là thành phố Phan Rang - Tháp Chàm hiện hữu và phụ cận; (2) Vùng phía Bắc bao gồm một phần quy mô ranh giới huyện Thuận Bắc và huyện Ninh Hải; (3) Vùng phía Nam bao gồm huyện Thuận Nam và huyện Ninh Phước; (4) Vùng phía Tây bao gồm một phần ranh giới của huyện Ninh Sơn, huyện Bác Ái.

- 03 hành lang phát triển, gồm: (1) Hành lang phát triển đa dạng: dọc theo tuyến giao thông huyết mạch Bắc Nam của tỉnh kết nối với tuyến vành đai thành phố Phan Rang - Tháp Chàm là khu vực có tiềm năng phát triển lớn nhất và đa dạng nhất trong tỉnh về đô thị, công nghiệp, nông nghiệp...; (2) Hành lang ven biển: dọc theo dải ven biển phát triển nông nghiệp, năng lượng và cảng biển, gắn với Khu dự trữ sinh quyển thế giới vườn quốc gia Núi Chúa; (3) Hành lang sinh thái: theo trục Đông – Tây, thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ, năng lượng và du lịch trải nghiệm.

2. Về phát triển đô thị, nông thôn

- Về phát triển hệ thống đô thị: Đến năm 2025, tỉnh có từ 9 đô thị, gồm: 01 đô thị loại II là Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm; 02 đô thị loại IV; 06 đô thị loại V.

Đến năm 2030, tỉnh có 12 đô thị, gồm: 01 đô thị loại II là Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại I trực thuộc Tỉnh; 4 đô thị loại IV; 07 đô thị loại V. Phát triển và hình thành 06 đô thị ven biển (Vĩnh Hy, Thanh Hải, Khánh Hải, Phan Rang - Tháp Chàm, Sơn Hải, Cà Ná) và hình thành dải ven biển phát triển theo cấu trúc không gian đan xen hỗn hợp đô thị du lịch về phía Bắc và phía Nam của tỉnh. Các định hướng phát triển và tổ chức không gian các khu đô thị du lịch, các khu chức năng được gắn kết với hướng phát triển của các đô thị ven biển. Trong đó, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, du lịch, dịch vụ, giáo dục, khoa học kỹ thuật, thể dục thể thao của Tỉnh Ninh Thuận, là đô thị trung tâm của Tỉnh phát triển theo định hướng phát triển bền vững, xanh và thông minh, có hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

- Phương án tổ chức lãnh thổ nông thôn: Tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa của tỉnh và đặc điểm kinh tế - xã hội của từng địa phương. Việc sắp xếp, bố trí không gian phát triển nông thôn bảo đảm tiết kiệm quỹ đất, chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện vật chất cho người dân, gắn với các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, nâng cấp mô hình làng, xã, bản, tạo thuận lợi trong sản xuất và có tính lâu dài, tránh các vùng có nguy cơ sạt lở cao, vùng thường xảy ra lũ quét. Đến năm 2030, tỉnh Ninh Thuận có 11 trung tâm cụm xã (thị tứ).

VI. Phương án tổ chức không gian phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp

1. Khu kinh tế: Dự kiến thành lập khu kinh tế ven biển phía Nam tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam tỉnh khi đủ điều kiện theo quy định và đảm bảo về chỉ tiêu đất đai do Quốc gia phân bổ để khai thác tiềm năng lợi thế về kinh tế biển nhằm huy động tối đa nguồn lực để tạo động lực phát triển kinh tế xã hội Tỉnh.

2. Khu, cụm công nghiệp: Bố trí các khu, cụm công nghiệp tại các vị trí kết nối giao thông thuận lợi, đảm bảo các điều kiện hạ tầng điện, nước, thu gom, xử lý rác thải, nước thải, các dịch vụ phục vụ người lao động. Khu vực vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là nơi tập trung công nghiệp, cảng biển, năng lượng, logistic Cà Ná. Đến năm 2030, quy hoạch 4 Khu công nghiệp với diện tích khoảng 1.683 ha; quy hoạch 19 cụm công nghiệp với diện tích khoảng 770 ha (dự kiến mở rộng khu công nghiệp Cà Ná khi được bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất)

VII. Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai: Đảm bảo bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, gắn với phát triển bền vững theo hướng thích nghi và chống biến đổi khí hậu. Thực hiện chuyển đổi một phần đất nông nghiệp để lấy quỹ đất phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Khai thác, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả quỹ đất, đưa vào khai thác có hiệu quả đất chưa sử dụng, ngăn chặn tình trạng đất bị xâm hại, sạt lở, lấn chiếm gây hủy hoại môi trường.

VIII. Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng tài nguyên; phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu

1. Bảo vệ môi trường: Phân vùng môi trường tỉnh Ninh Thuận theo 03 vùng chính, gồm: Vùng bảo vệ nghiêm ngặt; Vùng hạn chế phát thải và Vùng khác: Các vùng còn lại trên địa bàn tỉnh.

2. Đa dạng sinh học: Đẩy mạnh việc bảo tồn, phục hồi các hệ sinh thái rừng, biển cũng như các loài động vật, thực vật bản địa quý hiếm, nguồn gen sinh vật, văn hoá, lịch sử, cảnh quan; nghiên cứu khoa học; cung ứng dịch vụ môi trường và giáo dục môi trường theo quy hoạch và quy định của pháp luật.

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên: Khai thác, chế biến, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản, không làm ảnh hưởng môi trường và các danh lam, thắng cảnh trên địa bàn. Ưu tiên thăm dò, khai thác, chế biến quy mô công nghiệp các điểm mỏ có trữ lượng lớn, nhằm cung cấp ổn định, lâu dài vật liệu xây dựng thông thường cho các vùng có nhu cầu lớn. Khai thác gắn liền với chế biến, phục hồi môi trường. Áp dụng công nghệ tiết kiệm nguyên nhiên liệu, hạn chế ô nhiễm môi trường khi khai thác.

4. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra: Khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên nước mặt và nước dưới đất. Tăng cường trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn, đảm bảo dòng chảy tối thiểu trên các hệ thống sông. Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng theo thứ tự: (i) Đảm bảo đủ nước sử dụng cho sinh hoạt cả về số lượng và chất lượng; (ii) Đảm bảo cung cấp nước cho ngành nông nghiệp; (iii) Đảm bảo cung cấp nước cho nuôi trồng thủy sản; (iv) Đảm bảo cung cấp nước cho phát triển du lịch - dịch vụ; (v) Đảm bảo yêu cầu nước cho thủy điện, phát triển công nghiệp, ưu tiên các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

5. Phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu: Phân 04 vùng rủi ro thiên tai trên địa bàn, gồm: (i) Vùng nguy cơ ảnh hưởng bão; (ii) Vùng nguy cơ ảnh hưởng do lũ và ngập lụt; (iii) Vùng có nguy cơ ảnh hưởng do hạn hán; (iv) Vùng có nguy cơ sạt lở. Thực hiện tốt công tác phòng, chống lũ trên các tuyến sông có đê thuộc hệ thống sông Cái (Bắc hạ lưu sông Cái và Nam hạ lưu sông Cái). Xây dựng, nâng cấp hệ thống đê đảm bảo tiêu chuẩn phòng, chống lũ; và kết hợp làm đường giao thông.

IX. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư: Tập trung thu hút đầu tư các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội. Ngoài ra, tập trung triển khai các dự án thuộc các ngành, lĩnh vực trên cơ sở đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch liên quan khác.

X. Các nhóm giải pháp thực hiện quy hoạch

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư: Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, dự án tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; khai thác hiệu quả các nguồn lực từ quỹ đất; đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, đẩy mạnh đầu tư theo hình thức đối tác công tư và thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực: Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Thực hiện các chương trình, đề án đào tạo nhân lực chất lượng cao đối với các ngành, lĩnh vực chủ yếu, mũi nhọn. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài, đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế tri thức.

3. Nhóm giải pháp về môi trường: Tăng cường năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Tăng cường và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường, nhất là đầu tư xử lý chất thải; xử lý ô nhiễm và phục hồi môi trường. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế xanh.

4. Giải pháp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Phát triển hệ thống mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ; nghiên cứu, ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực của tỉnh hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Xây dựng chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, trọng tâm là phát triển hạ tầng số, cơ sở dữ liệu số, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, hướng đến xã hội số; tập trung xây dựng chính quyền điện tử, xây dựng thành phố thông minh; đẩy nhanh việc thanh toán không dùng tiền mặt, quan trắc môi trường tự động, hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử.

5. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển: Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực để thu hút các nguồn lực cho phát triển, thường xuyên rà soát các thủ tục hành chính, xây dựng phát triển chính quyền điện tử, chuyên đổi số, kinh tế số; Thực hiện có hiệu quả chương trình hợp tác với các địa phương đã ký kết, đồng thời mở rộng hợp tác với địa phương khác. Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu. Tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị với các tổ chức quốc tế tại Việt Nam, cơ quan đại diện nước ngoài, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam. Xúc tiến thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị với các đối tác, địa phương nước ngoài.

6. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển các khu vực chức năng, phát triển đô thị, nông thôn: Kiểm soát chặt quỹ đất rừng, tài nguyên – môi trường rừng và tỷ lệ bao phủ rừng, cân bằng và chuyển hóa một phần quỹ đất nông nghiệp hiện có trong đô thị sang đất xây dựng để đáp ứng tiêu chí phát triển đô thị theo quy hoạch được duyệt. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các công cụ tài chính kinh tế đất, phát triển lành mạnh thị trường bất động sản, có cơ chế kiểm soát chặt chẽ, khắc phục tình trạng đầu cơ đất đai.

7. Giải pháp nâng cao hiệu quả của bộ máy quản lý hành chính nhà nước: Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, cải cách tài chính công; Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; Đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp.

8. Thực hiện tốt công tác đảm bảo quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển: Tiếp tục thực hiện tốt công tác nhiệm vụ quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển; Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra, hạn chế chồng chéo gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp.

9. Tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch: Tổ chức công bố công khai quy hoạch bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong triển khai thực hiện. Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp về quy hoạch, đảm bảo đồng bộ. Xây dựng kế hoạch

thực hiện quy hoạch, kế hoạch trung hạn và kế hoạch hàng năm. Trong quá trình triển khai thực hiện, định kỳ đánh giá, giám sát việc thực hiện quy hoạch theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật; hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận khóa XI Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 09 tháng 5 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác Đại biểu - UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TP;
- Trung tâm CN và TTTT tỉnh;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Hậu